

Số: 1795.../QĐ-UBND

Tân Yên, ngày 22 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án phát triển đàn Bò huyện Tân Yên
giai đoạn 2014-2016

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ sự phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Kết luận số 97-KL/HU ngày 29/8/2014 của Ban Thường vụ Huyện ủy Tân Yên tại phiên họp ngày 25 tháng 8 năm 2014;

Xét đề nghị của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tại Tờ trình số 169/TTr-NN ngày 06/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án phát triển đàn bò huyện Tân Yên giai đoạn 2014-2016”.

(có đề án chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện phối hợp với, Hội Nông dân huyện hướng dẫn, tổ chức và đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND&UBND huyện, phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, phòng Tài chính- Kế hoạch, các đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVNN;
- Lưu: VT, NN&PTNT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Lượng

ĐỀ ÁN

Phát triển đàn bò huyện Tân Yên giai đoạn 2014-2016

(Kèm theo Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2014 của UBND huyện Tân Yên)

Phần I

**CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN, TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI BÒ
VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ sự phát triển nông nghiệp, nông thôn;
- Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ đầu tư phát triển chăn nuôi- thú y trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012- 2015.
- Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;
- Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện Tân Yên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2010- 2015;
- Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung huyện Tân Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

II. TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI BÒ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Thực trạng chăn nuôi bò trong những năm gần đây

Hiện nay ngành chăn nuôi gặp rất nhiều khó khăn nhất là chăn nuôi lợn và chăn nuôi gia cầm, do giá cả bấp bênh, dịch bệnh phát sinh, giá thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, nguyên liệu đầu vào liên tục tăng cao, trong khi đó giá bán sản phẩm thấp và kéo dài làm cho người chăn nuôi liên tục bị thua lỗ nặng. Trong khi đó, chăn nuôi bò vẫn ổn định, ít xảy ra dịch bệnh và có hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay nhu cầu thị trường tiêu thụ thịt bò trong nước ngày càng cao. Phát triển chăn nuôi bò tận dụng được lao động tại chỗ, tăng thu nhập cho người chăn nuôi đồng thời tận dụng tiềm năng về phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp.

Về thực trạng đàn bò, số liệu thống kê tổng đàn bò của toàn huyện trong những năm gần đây phát triển không ổn định có xu hướng giảm, cụ thể tổng đàn bò của toàn huyện: năm 2010 là 27.543 con, năm 2011 là 24.407 con, năm 2012: 20.348 con, năm 2013: 17.742 con (giảm 9.801 con so với năm 2010). Mục tiêu

Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện Tân Yên lần thứ XX, đến năm 2015 là 30.000 con. Nhưng tại thời điểm tháng 3 năm 2014 (theo số liệu các xã, thị trấn báo cáo) tổng đàn bò toàn huyện là 18.042 con, đạt 60,14 % so mục tiêu Đại hội (trong đó bò nuôi thịt 4.330 con, bê 3.139 con, bò nái sinh sản 10.573 con, bò đực giống phối giống trực tiếp 53 con), tỷ lệ bò Lai chiếm 95%; số hộ nuôi thường xuyên từ 3 con bò trở lên là 605 hộ. Như vậy từ nay đến năm 2015 sẽ khó có thể hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện Tân Yên lần thứ XX đề ra. Cần phải có cơ chế, chính sách hỗ trợ để phát triển đàn bò tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng (*Chi tiết tại biểu biểu 01*)

Phương thức chăn nuôi bò chủ yếu vẫn là chăn nuôi truyền thống, nhỏ lẻ tại nông hộ, chăn nuôi bò tập trung quy mô trang trại ít. Trong những năm gần đây một số hộ tại các xã: Liên Sơn, Tân Trung, Lan Giới, Nhã Nam ... đã chuyển từ hình thức chăn thả sang hình thức nuôi nhốt, vỗ béo đầu tư thâm canh, bán thâm canh để nâng cao hiệu quả kinh tế. Thức ăn cho đàn bò chủ yếu là tận dụng bãi cỏ tự nhiên, sản phẩm nông nghiệp sẵn có, chưa đầu tư trồng cỏ tập trung (toàn huyện có khoảng 75 ha cỏ trồng nhỏ lẻ rải rác), chưa chủ động đầu tư chế biến thức ăn dự trữ.

Về chất lượng đàn bò:

- Bò thịt cơ bản là bò Lai.
- Bò đực giống 100% là bò Lai sind.
- Bò nái sinh sản có khoảng 9.621 con (chiếm 90,8 %) là bò nái Lai, còn lại trên 900 con là bò nái địa phương (trong đó tỷ lệ bò nái nền có khả năng tiếp nhận tinh của một số giống bò siêu thịt khoảng trên 4.500 con tương đương 42%. Do tỷ lệ máu Lai của đàn bò nái Lai sinh sản không cao, bê giống sinh ra có tầm vóc nhỏ, tốc độ sinh trưởng phát triển chậm, tỷ lệ thịt xẻ thấp, chất lượng thịt không cao (tỷ lệ thịt xẻ đạt từ 38- 46% trong khi đó tỷ lệ thịt xẻ của 1 số giống bò mới siêu thịt đạt từ 50- 60%). Do vậy cần phải có giải pháp cải tạo đàn bò nái nền và đưa các loại tinh bò siêu thịt chất lượng cao hợp lý để tạo ra thế hệ bê lai chất lượng đáp ứng nhu cầu con giống tại chỗ cho người chăn nuôi.

2. Thuận lợi, khó khăn trong chăn nuôi bò và sự cần thiết xây dựng đề án

2.1. Thuận lợi

- Bò là một trong những con vật dễ nuôi, ít bệnh, tận dụng được nguồn lao động dư thừa và nhàn rỗi trong nông thôn.
- Nuôi bò không cạnh tranh với nguồn lương thực phục vụ con người và nguồn thức ăn cho các loại vật nuôi khác.
- Hệ thống cán bộ Thú y cơ sở trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh cho đàn bò (toàn huyện có 24 cán bộ Thú y cấp xã và 197 cán bộ thú y thôn).
- Hệ thống cung ứng dịch vụ để phát triển chăn nuôi trên địa bàn nhiều và phân bố đều khắp các xã, thị trấn (toàn huyện hiện có 331 cửa hàng kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y).

- Các phụ phẩm nông nghiệp để tận dụng chăn nuôi bò đòi hỏi như rơm rạ, thân cây ngô, khoai lang, cây lạc, đỗ, mía, các loại củ, quả...

- Có thể tận dụng được diện tích đất như các bờ bao nuôi trồng thủy sản, bờ kênh, rạch, ven đường, đất vườn, đất lâm nghiệp, nông nghiệp không hiệu quả để trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò.

2.2. Khó khăn

- Phương thức và quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ, nông hộ có từ 1- 2 con là chủ yếu; việc nuôi bò chủ yếu theo tập quán và kinh nghiệm, kỹ thuật, đầu tư thâm canh áp dụng khoa học, kỹ thuật còn ít và hạn chế, dẫn đến hiệu quả chăn nuôi thấp.

- Chất lượng đàn bò đực giống và nái giống không đồng đều nhất là đàn bò nái sinh sản vẫn còn bò địa phương, tỷ lệ máu Lai trong bò nái thấp, dẫn đến chất lượng bê sinh ra để nuôi thịt tầm vóc, trọng lượng thấp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng thịt.

- Công tác thụ tinh nhân tạo cho đàn bò trong những năm qua còn có phần hạn chế: Số lượng dẫn tinh viên thực hiện nhiệm vụ thụ tinh nhân tạo còn thiếu (có 2 người) chưa đáp ứng được nhu cầu thụ tinh nhân tạo trên địa bàn; Nguồn tinh bò để thụ tinh nhân tạo chất lượng chưa cao...

- Quỹ đất đồng cỏ ít, chủ yếu là bờ bãi nhỏ lẻ; hộ chăn nuôi chưa coi trọng việc trồng cỏ, dự trữ thức ăn thô xanh và sử dụng hợp lý các phụ phẩm nông nghiệp dự trữ cho bò. Do vậy nếu nuôi số lượng lớn tập trung sẽ thiếu thức ăn thô xanh cho bò nhất là về mùa đông,

- Về thị trường hiện nay trên địa bàn huyện chưa có chợ đầu mối mua bán bò, việc tiêu thụ bò chủ yếu do thương lái thu mua và vận chuyển đi tiêu thụ ra ngoài địa bàn; chưa có cơ sở giết mổ bò tập trung, hiện có 3 hộ giết mổ trâu bò nhỏ lẻ tại xã Ngọc Vân, thị trấn Cao Thượng và thị trấn Nhã Nam.

- Vốn đầu tư cho chăn nuôi bò gồm giống, chuồng trại, thức ăn, thuốc thú y, đất trồng cỏ lớn do vậy hạn chế các hộ đầu tư chăn nuôi tập trung; chưa có cơ chế hỗ trợ thúc đẩy phát triển đàn bò.

- Công tác tuyên truyền về hiệu quả, kỹ thuật, xây dựng mô hình và nhân rộng mô hình chăn nuôi bò hạn chế.

- Hiện nay, việc Nhà nước cho phép nhập khẩu bò và thịt bò từ nước ngoài với giá thành thấp đã tạo sức ép lớn đối với ngành chăn nuôi bò.

Từ thực trạng trên, cùng với những thuận lợi, khó khăn trong phát triển chăn nuôi bò, huyện cần phải chuyển hướng chăn nuôi bò từ truyền thống, nhỏ lẻ sang nuôi tập trung quy mô trang trại; từng bước cải tạo đàn bò để nâng cao chất lượng bò nái, bò thịt; đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn phụ phẩm nông nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi bò. Do vậy việc xây dựng đề án "**Phát triển đàn bò huyện Tân Yên giai đoạn 2014-2016**" là rất cần thiết.

Phần II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. MỤC TIÊU

1. Phát triển đàn bò nhằm tăng dần về số lượng, chất lượng và giá trị đàn bò: Nâng cao chất lượng đàn bò nái, phấn đấu đến hết năm 2016 tăng thêm khoảng 1.000 - 1.300 con bê có tỷ lệ máu Lai cao để làm đàn nái nền tiếp nhận tinh của một số giống bò siêu thịt nhằm tạo ra một số giống bò mới siêu thịt có trọng lượng lớn và tỷ lệ thịt xẻ cao: BBB, Brahman, Droughmater.

2. Từng bước làm thay đổi phương thức kỹ thuật chăn nuôi theo hướng đầu tư thâm canh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

3. Phát triển nuôi bò tập trung quy mô trang trại, gia trại chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp, nhằm tăng hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho người chăn nuôi bò: phấn đấu hết năm 2016: mỗi xã, thị trấn tăng thêm từ 8 - 10 hộ nuôi tập trung với quy mô nuôi bò nái từ 3 con trở lên, bò thịt từ 5 con trở lên.

4. Nâng cao nhận thức của nông dân trong chăn nuôi bò hàng hóa, tiến tới coi chăn nuôi bò là một nghề.

II. NHIỆM VỤ

1. Thực hiện phương pháp thụ tinh nhân tạo để tạo bò nái Lai có tỷ lệ máu ngoại cao nhằm nâng cao chất lượng đàn nái nền: Bò Sind, Brahman.

Sử dụng tinh một số giống bò mới siêu thịt có trọng lượng lớn và tỷ lệ thịt xẻ cao: BBB, Brahman, Droughmater để tạo ra giống bò thịt có khả năng tăng trọng nhanh, khối lượng lớn, tỷ lệ thịt xẻ cao.

2. Thực hiện quy hoạch chăn nuôi tập trung và phát triển trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò, đưa các công nghệ mới về chế biến ủ thức ăn cho bò từ các phụ phẩm sẵn có tại địa phương như: Rơm rạ, cây ngô

3. Xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt theo phương thức thâm canh tại 3 xã: Việt Ngọc, Ngọc Lý, Tân Trung (01 mô hình/xã); làm cơ sở để nhân ra diện rộng.

4. Tập trung chỉ đạo công tác tuyên truyền, tập huấn chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi bò cho nông dân; tăng cường công tác quản lý, chăm sóc và phòng trừ dịch bệnh.

5. Xây dựng cơ chế hỗ trợ phù hợp để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của đề án.

6. Từng bước tạo mối liên kết với một số cơ sở giết mổ và thị trường tiêu thụ.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về giống

Bình tuyển lựa chọn khoảng 3.000/4.500 con nái Lai tốt hiện có tại tất cả các xã, thị trấn, trong đó:

- Chọn 2.500 con để thụ tinh nhân tạo nhằm tạo thêm khoảng 1.000- 1.300 con bê cái làm giống có tỷ lệ máu Lai cao để tăng tỷ lệ bò nái nền có khả năng tiếp nhận tinh của một số giống bò siêu thịt.

- Chọn 500 con bò nái Lai có trọng lượng trên 280 kg/con tại các xã để tiếp nhận tinh một số giống bò siêu thịt cao sản như: BBB, Drougmater, Brahman nhằm tạo ra giống bò nuôi thịt có trọng lượng lớn, tỷ lệ thịt xẻ cao.

- Khuyến khích các hộ mua bò nái nền đủ tiêu chuẩn, có tỷ lệ máu Lai cao về chăn nuôi.

2. Giải pháp về kỹ thuật

2.1. Về thức ăn

Khuyến khích chuyển đổi những chân ruộng cao, sườn đồi, vườn tạp, ... chuyển đổi hợp lý đất canh tác nông nghiệp hiệu quả thấp sang trồng thâm canh các giống cỏ cao sản: VA-06, cỏ voi, cỏ sả lá lớn,... Tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp dồi dào, sẵn có để chăn nuôi bò như rơm rạ, thân cây ngô, khoai lang, cây lạc, đỗ, mía, các loại củ, quả... Sử dụng biện pháp chế biến thức ăn thô xanh, chế biến cỏ, rơm khô, rơm đóng bánh, ủ chua các loại phụ phẩm của ngành trồng trọt, dự trữ để nuôi bò.

Sử dụng hợp lý các nguồn thức ăn tinh: Cám công nghiệp, cám gạo, bột ngô, bột sắn, các loại khô dầu trong chăn nuôi bò.

2.2. Công tác thú y

Định kỳ thực hiện công tác bình tuyển đàn bò nái nền, đặc biệt quan tâm đến các trang trại, gia trại chăn nuôi tập trung. Tăng cường công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, đảm bảo an toàn dịch bệnh; tăng cường công tác tiêm phòng vắc xin phòng bệnh cho bò, phun thuốc tiêu độc khử trùng đảm bảo hiệu quả.

2.3. Về công tác khuyến nông

Xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt tập trung tại 3 xã: Việt Ngọc, Tân Trung, Ngọc Lý (quy mô 10-15 con/mô hình bằng giống bò BBB, Drougmater, Brahman). Tập huấn kỹ thuật phòng chống dịch bệnh, chăn nuôi bò nái, bò thịt (nhất là bò siêu thịt) theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp. Hướng dẫn kỹ thuật trồng một số giống cỏ cao sản và chế biến thức ăn thô xanh, dự trữ.

Đào tạo, bồi dưỡng từ 3-5 dẫn tinh viên để đáp ứng nhu cầu thụ tinh nhân tạo cho đàn bò trên địa bàn.

3. Giải pháp tuyên truyền

Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Tập huấn, tham quan thực tế, hội nghị, hội thảo, tuyên truyền qua báo, đài, trang thông tin điện tử, qua các ban ngành đoàn thể ... Nội dung tuyên truyền tập trung:

- Nâng cao nhận thức cho người chăn nuôi về kỹ thuật nuôi tiên tiến; tuyên truyền để hộ nuôi bò nái chuyển từ phối giống trực tiếp bằng bò đực giống sang thụ tinh nhân tạo.

- Tổ chức tham quan, tuyên truyền hiệu quả của các giống bò mới siêu thịt, các mô hình đầu tư nuôi bò siêu thịt, mô hình bò nái tập trung, mô hình nuôi vỗ bò thịt theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp tập trung theo quy mô trang trại.

4. Về xử lý môi trường: Khuyến khích các hộ chăn nuôi xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý chất thải như Bioga, bể ủ và ủ phân bằng men vi sinh để xử lý làm phân bón cho cây trồng và tận dụng làm thức ăn trong nuôi thủy sản.

5. Về thị trường

Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các thương lái tiêu thụ bò thịt trên địa bàn. Làm tốt công tác dự báo thông tin thị trường phục vụ phát triển chăn nuôi bò.

Đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong chăn nuôi và chế biến tiêu thụ sản phẩm trong chăn nuôi bò.

6. Đầu tư, đất đai: Khuyến khích tạo mọi điều kiện về đất đai, vốn vay cho các hộ chăn nuôi đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi bò tập trung thâm canh theo quy hoạch.

7. Giải pháp về cơ chế khuyến khích, hỗ trợ

7.1. Ngân sách tỉnh, TW

Tranh thủ các chính sách hỗ trợ của tỉnh, TW như: Từ sự nghiệp nông nghiệp, sự nghiệp khoa học và công nghệ, sự nghiệp môi trường của tỉnh hàng năm, từ nguồn hỗ trợ theo Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Giang, từ nguồn hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

7.2. Khuyến khích hỗ trợ từ ngân sách huyện

7.2.1. Hỗ trợ thụ tinh cho 2.500 con bò nái Lai được lựa chọn để lấy khoảng 1.000 - 1.300 con bê cái có tỷ lệ máu Lai cao sử dụng làm nái giống, mức hỗ trợ 50.000 đồng/con: $2.500 \text{ con} \times 50.000 \text{ đ/con} = 125 \text{ triệu đồng}$.

7.2.2. Hỗ trợ tinh một số giống bò siêu thịt như: BBB, Drougmater để thụ tinh cho 500 con bò nái Lai tốt:

- 50 liều tinh BBB x 700.000đ/liều = 35 triệu đồng

- 450 liều tinh (Drougmater, Brahman ngoại) x 300.000đ/liều = 135 triệu đồng.

7.2.3. Hỗ trợ các hộ chăn nuôi tập trung hoặc quy mô, gia trại, trang trại xây dựng mới (hộ nuôi từ 3 con bò nái Lai và 5 con bò thịt trở lên)

- Hỗ trợ mua máy thái thức ăn 1 triệu đồng/hộ x 192 hộ = 192 triệu đồng.

- Hỗ trợ xây mới hầm bioga 3 triệu/hầm x 192 hộ = 576 triệu đồng.
- Hỗ trợ công tác thú y là 500.000 đồng/hộ x 192 hộ = 96 triệu đồng.

7.2.4. Hỗ trợ giống cỏ:

- 1 triệu đồng/hộ nuôi 3 nái trở lên x 144 hộ = 144 triệu đồng.
- 2 triệu đồng/hộ nuôi 5 bò thịt trở lên x 48 hộ = 96 triệu đồng.

Điều kiện các hộ được hỗ trợ phải nằm trong kế hoạch giao và có đăng ký thực hiện và được cơ quan chức năng nghiệm thu xác nhận kết quả đã thực hiện.

7.2.5. Hỗ trợ công tác bình tuyển bò, bấm thẻ tai, đào tạo, tập huấn, tham quan, tuyên truyền; đào tạo, bình ni tơ cho dẫn tinh viên: 240 triệu đồng.

7.2.6. Hỗ trợ xây dựng 3 mô hình chăn nuôi bò thịt: 60 triệu

7.2.7. Hỗ trợ công cho dẫn tinh viên: 20.000đ/liều x 3000liều = 60 triệu đồng.

7.2.8. Hỗ trợ công tác xây dựng, quản lý, kiểm tra, nghiệm thu đề án: 30 triệu đồng.

Tổng kinh phí cả giai đoạn khoảng: **1.789.000.000 đồng.** (Một tỷ bảy trăm tám chín triệu đồng)

(Chi tiết tại biểu 02).

Nguồn vốn hỗ trợ: Từ sự nghiệp nông nghiệp hàng năm.

VI. HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI

1. Hiệu quả kinh tế

Từng bước cải tạo nâng cao chất lượng đàn bò trên địa bàn nhất là đàn bò nái giống; từng bước đưa giống bò mới có tầm vóc, trọng lượng và chất lượng cao, nâng sản lượng bò thịt trên địa bàn; góp phần nâng cao giá trị ngành chăn nuôi.

2. Hiệu quả xã hội

Phát triển đàn bò tăng nhanh về số lượng, chất lượng, phát triển thành hàng hoá ổn định, tăng giá trị thu nhập và giải quyết việc làm cho nhân dân.

Thay đổi tư duy phương thức chăn nuôi bò từ nhỏ lẻ nông hộ sang nuôi tập trung quy mô trang trại; thay đổi dần tập quán chăn nuôi của người dân, chuyển từ chăn nuôi theo lối quảng canh sang bán thâm canh và thâm canh, đầu tư áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Khai thác tiềm năng nguồn lực về vốn, lao động, đất đai nhằm mang lại hiệu quả sản xuất tạo thu nhập cải thiện đời sống nhân dân. Tận dụng nguồn lao động thời gian nông nhàn, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người chăn nuôi.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện

Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt Đề án; tham mưu đề xuất phân bổ kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và cơ chế hỗ trợ trong quá trình thực hiện Đề án. Chủ trì triển khai các hoạt động cụ thể của Đề án; Phối hợp với phòng Tài chính- Kế hoạch huyện ban hành văn bản hướng dẫn thủ tục đăng ký hỗ trợ và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ; Tham mưu xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ từ sự nghiệp nông nghiệp hàng năm.

Chỉ đạo cơ quan thú y, khuyến nông thực hiện tốt công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh cho đàn bò, đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tham quan, tuyên truyền.

Kết thúc đề án đánh giá tổng kết kết quả đạt được báo cáo UBND huyện.

2. Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện: Tham mưu thẩm định kế hoạch bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách huyện hàng năm để thực hiện Đề án. Phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thủ tục đăng ký hỗ trợ và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

3. Trạm Khuyến nông, Trạm Thú y huyện: Hướng dẫn, tuyên truyền tập huấn chuyển giao kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi bò cho nông dân; xây dựng các mô hình chăn nuôi bò tập trung, nuôi bò cao sản; chỉ đạo làm tốt công tác nắm tình hình, phòng chống dịch bệnh trên đàn bò; tranh thủ nguồn hỗ trợ của Trung tâm khuyến nông tỉnh để xây dựng các mô hình chăn nuôi bò.

4. UBND các xã, thị trấn

Triển khai, tuyên truyền Đề án đến nhân dân biết, Phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT huyện triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

Tổ chức đăng ký các hộ nuôi tập trung, hộ nuôi quy mô trang trại. Phối hợp với các cơ quan: Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài chính- Kế hoạch, Hội Nông dân huyện tổ chức nghiệm thu, công khai danh sách hỗ trợ để nhân dân biết, theo dõi và giám sát thực hiện.

Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc, đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ để phát triển đàn bò với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện để tổng hợp báo cáo UBND huyện.

5. Đài Truyền thanh, Trung tâm KH-CN và MT huyện: Tập trung truyền truyền Đề án trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của huyện; tuyên truyền các mô hình chăn nuôi bò hiệu quả để người dân học tập làm theo.

6. Hội Nông dân huyện: Tuyên truyền hội viên Hội Nông dân hưởng ứng đầy mạnh phát triển chăn nuôi bò; phối hợp với các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thẩm định các điều kiện để hỗ trợ.

7. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện: Bố trí vốn cho các hộ vay nuôi bò theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ sự phát triển nông nghiệp, nông thôn; phối hợp với các xã, thị trấn tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ vay vốn phát triển chăn nuôi bò.

8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức đoàn thể: Căn cứ chức năng nhiệm vụ tuyên truyền, phối hợp với cơ sở vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân triển khai thực hiện Đề án. Đồng thời theo dõi, giám sát quá trình thực hiện Đề án phát triển đàn bò trên địa bàn huyện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Lượng

Biểu 01: THỰC TRẠNG ĐÀN BÒ ĐẾN THÁNG 3/2014

TT	Tên đơn vị	Tổng số (Con)	Số lượng bò lai (Con)	Trong đó (Con)				Số hộ nuôi từ 3 con bò trở lên	Diện tích trồng cỏ	CHKD thức ăn	QH thuốc TY	Dẫn tinh viên đang hành nghề	
				Bê	Bò thịt	Bò sinh sản							Bò đực phối giống
						Số lượng	Bò nái Lai						
1	Cao Thượng	445	423	77	107	261	237	2	7	3	15	3	1
2	Quế Nham	978	929	170	235	573	522	3	7	2	11	2	
3	Ngọc Thiện	1294	1,229	225	311	758	690	3	102	3	7	6	0
4	Phúc Sơn	490	466	85	118	287	261	1	5	2.5	9	5	
5	Đại Hoá	497	472	86	119	291	265	4	15	2	6	3	
6	Hợp Đức	976	927	170	234	572	520	4	25	3.3	10	6	
7	TT Cao Thượng	213	202	37	51	125	114	0	5	1	8	11	
8	TT Nhã Nam	128	122	22	31	75	68	1	16	1.2	10	4	
9	Cao Xá	1382	1,313	240	332	810	737	7	38	5	6	5	
10	Lam Cốt	777	738	135	186	455	414	4	17	3	13	9	
11	Tân Trung	968	920	168	232	567	516	2	125	6	12	6	
12	Ngọc Lý	1004	954	175	241	588	535	1	52	3	7	3	
13	Song Vân	863	820	150	207	506	460		39	1	12	7	
14	Phúc Hoà	610	580	106	146	357	325	2	30	5	15	8	
15	Ngọc Châu	610	580	106	146	357	325	2		3	5	6	
16	An Dương	696	661	121	167	408	371	3	13	3	5	4	
17	Lan Giới	271	257	47	65	159	145	1	2	1.5	11	5	
18	Quang Tiến	594	564	103	143	348	317	1	15	2	7	2	
19	Liên Chung	986	937	172	237	578	526	1	18	8.5	3	3	
20	Việt Lập	915	869	159	220	536	488	3	6	2.5	15	6	
21	Liên Sơn	386	367	67	93	226	206	1	11	3.2	5	5	
22	Việt Ngọc	1520	1,444	264	365	891	811	4	25	4	5	4	1
23	Nhã Nam	466	443	81	112	273	248	0	17	3.5	7	4	
24	Ngọc Vân	973	924	169	234	570	519	3	15	2.5	5	5	
Tổng cộng		18042	17140	3139	4330	10573	9621	53	605	74.7	209	122	2

BIỂU 02: DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÀN BÒ HUYỆN TÂN YÊN GIAI ĐOẠN 2014-2016

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kinh phí hỗ trợ	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Tổng cộng	
				Số lượng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Số lượng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Số lượng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Số lượng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
1	Hỗ trợ thụ tinh cho 2.500 bò nái lai được lựa chọn để tạo bò nái lai nền	Con	50.000đ/con			1500	75,000,000	1000	50,000,000	2500	125,000,000
2	Hỗ trợ hộ mua tinh một số giống bò siêu thị (BBB, Drougmater) để thụ tinh cho 500 bò nái lai tốt										
2.1	Hỗ trợ hộ thụ tinh giống bò BBB	Hộ	700.000 đ/hộ			30	21,000,000	20	14,000,000	50	35,000,000
2.2	Hỗ trợ hộ thụ tinh giống bò Drougmater, Bráhmnn ngoại	Hộ	300.000 đ/hộ			250	75,000,000	200	60,000,000	450	135,000,000
3	Hỗ trợ các hộ chăn nuôi tập trung quy mô trang trại, gia trại xây dựng mới										
3.1	Hỗ trợ mua máy thái thức ăn	Máy/hộ	1 tr.đ/hộ			100	100,000,000	92	92,000,000	192	192,000,000
3.2	Hỗ trợ làm mới hầm bioga xử lý chất thải	Hầm/hộ	3 tr.đ/hộ, TT			100	300,000,000	92	276,000,000	192	576,000,000
3.3	Hỗ trợ công tác Thú y	Hộ	0.5tr đ/hộ			92	46,000,000	100	50,000,000	192	96,000,000
4	Hỗ trợ giống cỏ cho các hộ chăn nuôi tập trung 3 bò nái trở lên	Hộ	1 tr.đ/hộ			44	44,000,000	100	100,000,000	144	144,000,000
	Hỗ trợ giống cỏ cho hộ nuôi 5 con bò thịt trở lên	Hộ	2 tr.đ/hộ			20	40,000,000	28	56,000,000	48	96,000,000
5	Hỗ trợ công tác bình tuyển bò	10 con/công	150.000 đ/công	300	45,000,000					300	45,000,000
6	Hỗ trợ công bấm thẻ tai	10 con/công	150.000 đ/công	300	45,000,000					300	45,000,000
7	Mua thẻ tai	Chiếc	20.000 đ/chiếc	3000	60,000,000					3000	60,000,000
8	Kìm bấm thẻ	Chiếc	800.000 đ/chiếc	24	19,200,000					24	19,200,000
9	Bút viết thẻ tai	Chiếc	150.000 đ/chiếc	48	7,200,000					48	7,200,000
10	Tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật	Lớp	1,5 tr.đ/lớp			10	15,000,000	10	15,000,000	20	30,000,000
11	Tham quan, tuyên truyền	Cuộc	6,8 tr.đ/cuộc			1	6,800,000	1	6,800,000	2	13,600,000
12	Hỗ trợ mua bình nitor cho dẫn tinh viên	Bình	5 tr.đ/bình			4	20,000,000			4	20,000,000
13	Hỗ trợ xây dựng 3 mô hình chăn nuôi bò thịt	Mô hình	20 tr.đ/mô hình			2	40,000,000	1	20,000,000	3	60,000,000
14	Hỗ trợ công cho dẫn tinh viên	Liều	20.000 đ/liều			1780	35,600,000	1220	24,400,000		60,000,000
15	Hỗ trợ công tác xd, quản lý, kiểm tra, N.thu ĐA		Đồng		10,000,000		10,000,000		10,000,000		30,000,000
Tổng kinh phí					186,400,000		828,400,000		774,200,000		1,789,000,000